

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2024/DS-ST
Ngày: 17-9-2024
V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Thị Ngọc Huệ
- Bà Ngô Hồng Điệp

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Xuân Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số A, N, Phường H, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số A, ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An;

2. Bà Nguyễn Thị Lê T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số B, đường N, tổ C, khu phố G, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3. Bà Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm 1962; Địa chỉ: 3 T- T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An;

6. Bà Hồ Thị Ngọc H1, sinh năm 1970; HKTT: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện tại: Số 1 ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An;

7. Anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện tại: Số 1 ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An;

8. Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện tại: Số 1 ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An;

(Ông M có mặt, các đương sự còn lại có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M1 trình bày: Cha ông tên Nguyễn Văn H2, sinh năm 1929 (đã chết năm 1981) và mẹ ông tên Nguyễn Thị B, sinh năm 1930 (đã chết năm 1993). Cha mẹ có tổng cộng 09 người con chung là Nguyễn Đức D1 (đã chết năm 2014, có vợ là bà Hồ Thị Ngọc H1 và 02 người con là Nguyễn Đức P và Nguyễn Thị Thy D), Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị nh H, Nguyễn Thị Lê T, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Thu T1, Nguyễn Thị Thu T2 (đã chết năm 2011, chồng bà T2 cũng đã chết, không có con), Nguyễn Thị Thu S. Khi còn sống cha mẹ có tạo lập tài sản là thửa đất số 456, diện tích 2.165m², loại đất thổ và thửa đất số 1170, diện tích 3.981m², loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Khi cha mẹ chết không để lại di chúc. Trước đây bà H đã tự ý kê khai để được cấp Giấy CNQSDĐ tại thửa 456 và 1170, rồi thực hiện tặng qua cho con là Nguyễn Thị Mai T3. Khi anh chị em ông phát hiện đã khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) của bà H và bà T3 và đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Đức giải quyết bằng bản án số 05/2013/HCTST ngày 26/6/2013. Do bà H không hợp tác đến các cơ quan làm giấy tờ vì bà H hay bị bệnh nên ông mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế. Khi Tòa án tiến hành thẩm định và kiểm tra trên bản đồ địa chính thì gia đình ông mới biết phần diện tích đất đang sử dụng không nằm trọn thửa đất 456 mà thuộc 1 phần thửa 456 và 1 phần thửa 457. Ông khẳng định gia đình ông đã sử dụng ổn định toàn bộ diện tích đất trên, việc cấp Giấy CNQSDĐ trước đây không thể hiện đúng số thửa và vị trí thửa đất ông hoàn toàn không biết và do cơ quan cơ thẩm quyền thực hiện, ông không biết sai sót từ thời điểm nào. Trong vụ án này ông chỉ yêu cầu được giải quyết đối với phần diện tích quản lý sử dụng trên thực tế của gia đình ông. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được nhận di sản thừa kế Phần đất tranh chấp gồm thửa đất số 1170, tờ bản đồ số 04, diện tích 3.793,2 m², loại đất lúa; một phần thửa thửa 456, diện tích 1.736,7m², loại đất thổ và một phần thửa 457, diện tích 313,4m², loại đất lúa (có vị trí theo Mạnh trích đo địa chính số 02/TL-2024 và Khu A, B của Mạnh trích đo địa chính số 01/TL-2024 cùng ngày 08/3/2024 của Công ty TNHH Đ vẽ ngày 08/3/2024 được Chi

nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C](#) phê duyệt ngày 15/3/2024). Đối với Khu C, D ông tự nguyện không yêu cầu giải quyết.

Tại nội dung biên bản ghi lời khai ngày 07/4/2023, bị đơn bà [Nguyễn Thị Ánh H](#) trình bày: Thừa đất số 456, diện tích 2.165m², loại đất thổ và thửa đất số 1170, diện tích 3.981m², loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại [ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An](#) đúng là tài sản do cha mẹ bà tạo lập. Cha mẹ bà là ông [Nguyễn Văn H2](#) và bà [Nguyễn Thị B](#), khi cha mẹ chết không có lập di chúc. Cha mẹ có tổng cộng 09 người con đúng như ông [M](#) trình bày trong đơn khởi kiện. Trước đây, do các anh chị em đều đi làm ở xa, nên bà có đăng ký kê khai để được cấp Giấy CNQSDĐ để gìn giữ đất ông bà, sau đó bà sang tên qua con bà là [Nguyễn Thị Mai T3](#) để dễ quản lý nhưng các anh chị em bà không đồng ý nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy CNQSDĐ của bà và con bà là [Nguyễn Thị Mai T3](#). Tại bản án số 05/2013/HCST 26/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước đã xét xử hủy toàn bộ Quyết định cấp Giấy CNQSDĐ và Hủy Giấy CNQSDĐ của bà và [T3](#). Nay bà xác định không yêu cầu được chia di sản thừa kế, bà từ chối nhận di sản và đồng ý giao toàn bộ phần tài sản mà cha mẹ để lại cho ông [M](#) toàn quyền sử dụng, không yêu cầu ông [M](#) hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế. Hiện tại bà đang ở trên căn nhà cất tại thửa đất thổ nhưng đó cũng là nhà của cha mẹ, bà không yêu cầu giải quyết, bà đồng ý giao nhà lại cho ông [M](#) toàn quyền quyết định. Do bà thường xuyên bị bệnh nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại nội dung biên bản ghi lời khai ngày 19/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị L](#) trình bày: bà là con của ông [Nguyễn Văn H2](#), sinh năm 1929 (đã chết năm 1981) và bà [Nguyễn Thị B](#), sinh năm 1930 (đã chết năm 1993). Cha mẹ bà có tổng cộng 09 người con [Nguyễn Đức D1](#), [Nguyễn Thị L](#), [Nguyễn Thị Ánh H](#), [Nguyễn Thị Lê T](#), [Nguyễn Thị Thu L1](#), [Nguyễn Văn M](#), [Nguyễn Thị Thu T1](#), [Nguyễn Thị Thu T2](#), [Nguyễn Thị Thu S](#). Ông [Nguyễn Đức D1](#) đã chết, hiện có vợ là bà [Hồ Thị Ngọc H1](#) và 02 người con là [Nguyễn Đức P](#) và [Nguyễn Thị Thùy D](#). Bà [Nguyễn Thị Thu T2](#) đã chết, hiện chồng bà [T2](#) cũng đã chết, không có con. Khi còn sống cha mẹ có tạo lập tài sản là thửa đất số 456, diện tích 2.165m², loại đất thổ và thửa đất số 1170, diện tích 3.981m², loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại [ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An](#). Bà xác định không tranh chấp di sản thừa kế với ông [M](#), bà từ chối nhận di sản thừa kế, để ông [M](#) quản lý, sử dụng toàn bộ di sản thừa kế vì trước đây và cả hiện tại ông [M](#) đều là người lo toan mọi việc trong gia đình cho cha mẹ, anh chị em. Bà không yêu cầu ông [M](#) phải hoàn lại giá trị di sản cho bà. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại nội dung biên bản ghi lời khai ngày 19/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị Lê T](#) trình bày: bà cùng ý kiến với bà [L](#). Trước đây ông [M](#) là người đứng ra lo mọi hữu sự trong gia đình nên bà yêu cầu để ông [M](#) được hưởng toàn bộ di sản của cha mẹ để lại. Bà từ chối nhận di sản thừa kế. Bà xác định không tranh chấp và không yêu cầu chia di sản thừa kế và không yêu cầu ông [M](#) phải hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại nội dung biên bản ghi lời khai ngày 19/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị Thu L1](#) trình bày: bà cũng cùng ý kiến với bà [T](#), bà [L](#). Mọi việc trong gia đình đều do ông [M](#) đứng ra chăm lo nên bà xác định không tranh chấp với ông [M](#) và không yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại. Bà từ chối nhận di sản thừa kế, để ông [M](#) được hưởng toàn bộ di sản và không yêu cầu ông [M](#) phải hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại nội dung biên bản ghi lời khai ngày 19/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị Thu S](#) trình bày: bà cũng cùng ý kiến với các người chị của bà. Mọi việc trong gia đình đều do ông [M](#) đứng ra chăm lo, bà không có gia đình nên sau này con ông [M](#) cũng lo cho bà, nên bà xác định không tranh chấp với ông [M](#) và từ chối nhận di sản thừa kế đối với thửa đất số 456 và thửa đất số 1170, không yêu cầu ông [M](#) hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại nội dung biên bản ghi lời khai ngày 19/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Hò Thị Hồng H3](#) trình bày: chồng bà là ông [Nguyễn Đức D1](#) (sinh năm 1953, chết năm 2014), là anh trai của ông [M](#). Bà không tranh chấp di sản thừa kế với ông [M](#) vì hiện tại ông [M](#) là người đứng ra chăm lo cho gia đình nên bà từ chối nhận di sản thừa kế, giao cho ông [M](#) đứng tên toàn bộ di sản thừa kế, bà không tranh chấp và không yêu cầu ông [M](#) phải hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế. Đối với căn nhà bà đang ở bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông [M](#) và bà tự thỏa thuận với nhau. Do đó, bà xác định bà không tranh chấp và không có ý kiến, yêu cầu nào đối với ông [M](#). Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại nội dung biên bản ghi lời khai ngày 19/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh [Nguyễn Đức P](#), chị [Nguyễn Thị Thùy D](#) trình bày: anh chị là con của ông [Nguyễn Đức D1](#), anh chị cũng cùng ý kiến với mẹ là bà [H3](#). Anh chị từ chối nhận di sản thừa kế, không yêu cầu và không tranh chấp gì đối với ông [M](#). Anh chị đề nghị để ông [M](#) đứng tên toàn bộ di sản thừa kế, không yêu cầu ông [M](#) phải hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế. Anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt vì anh chị không tranh chấp và đã trình bày xong ý kiến của mình tại Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 05/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị Thu T4](#) trình bày: bà là con của ông [Nguyễn Văn H2](#) và bà [Nguyễn Thị B](#). Khi cha mẹ còn sống có tạo lập được thửa đất 1170 và 456 nhưng khi cha mẹ chết không để lại di chúc. Bà xác định không tranh chấp di sản thừa kế với ông [M](#), bà từ chối nhận di sản thừa kế, giao lại toàn bộ di sản thừa kế của cha mẹ để lại cho ông [M](#) quản lý, sử dụng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Ông [M](#) trình bày: trước đây tại đơn khởi kiện ông yêu cầu được hưởng nhận toàn bộ di sản thừa kế và ông sẽ hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các

anh chị em trong gia đình, tuy nhiên nay các chị em của ông đều tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế và giao cho ông hưởng toàn bộ di sản và không yêu cầu ông hoàn lại giá trị nên ông đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung này.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều thống nhất xác định: Cụ [Nguyễn Văn H2](#), sinh năm 1929 (đã chết năm 1981) và cụ [Nguyễn Thi B](#), sinh năm 1930 (đã chết năm 1993) có tất cả 09 người con. Cha mẹ cụ [H2](#), cụ [B](#) đều chết trước hai cụ. Quá trình chung sống, 02 cụ có tạo lập khối tài sản chung gồm: thửa đất số 456, diện tích 2.165m², loại đất thổ và thửa đất số 1170, diện tích 3.981m², loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 4, diện tích đo đạc thực tế thửa 456 là 1.736.7m², thửa 1170 là 3.793.2m² tọa lạc tại [ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An](#). Hai cụ qua đời đều không để lại di chúc. Do đó, di sản của các cụ để lại sẽ được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất là 09 người con. Năm 1996, do anh em ở xa và thực hiện chủ trương chung của nhà nước về việc cấp lại Giấy CNQSDĐ nên bà [H](#) đã đi kê khai và được UBND huyện cấp giấy CNQSDĐ ngày 15/10/1996. Đến ngày 10/5/2012, bà [H](#) làm HĐ tặng cho toàn bộ 02 thửa đất trên cho con gái [Nguyễn Thi Mai T3](#), ngày 23/5/2012, bà [T3](#) được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Ngày 03/5/2013, ông [M](#) cùng các chị em phát hiện sự việc trên nên đã khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu hủy 02 Giấy CNQSDĐ đã cấp cho bà [H](#) và bà [T3](#). Tại Bản án hành chính số 05/2013/HCST ngày 26/6/2013 của TAND huyện Cần Đức đã tuyên: Hủy toàn bộ quyết định cấp Giấy CNQSDĐ và hủy Giấy CNQSDĐ đã cấp cho bà [H](#) và bà [T3](#).

Do đó, có cơ sở xác định hiện 02 thửa đất số 456, diện tích 1.736.7m², loại đất thổ và thửa đất số 1170, diện tích 3.793.2m², loại đất lúa, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại [ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An](#) vẫn còn là di sản của cụ [H2](#) và cụ [B](#) chưa được chia. Ông [M](#) khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với Khu A, B của Mảnh trích đo địa chính số 01/TL-2024 và 02/TL-2024, và thửa đất 1170 theo Mảnh trích đo địa chính số 02/TL-2024, theo đó ông yêu cầu chia làm 8 kỷ phần (do bà [T2](#) đã chết không có người kế thừa quyền và nghĩa vụ), ông nhận 01 kỷ phần, đồng thời yêu cầu được nhận 02 thửa đất và hoàn giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế khác.

Bị đơn thừa nhận toàn bộ nội dung khởi kiện và các chứng cứ ông [M](#) cung cấp là đúng, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông [M](#), và từ chối nhận kỷ phần, giao toàn bộ kỷ phần được hưởng cho ông [M](#), không yêu cầu ông [M](#) hoàn giá trị nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Những đồng thừa kế khác đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông [M](#), từ chối nhận kỷ phần, giao toàn bộ kỷ phần được hưởng cho ông [M](#), không yêu cầu ông [M](#) hoàn giá trị nên đề nghị HĐXX ghi nhận

Đối với các căn nhà xây dựng trên đất, các đương sự đều không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông [M](#) là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Văn M](#), ghi nhận việc các đồng thừa kế tự nguyện từ chối nhận kỷ phần thừa kế, không yêu cầu ông [M](#) hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn và tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị L](#), bà [Nguyễn Thị Ánh H](#), bà [Nguyễn Thị Lê T](#), bà [Nguyễn Thị Thu L1](#), bà [Nguyễn Thị Thu T1](#), bà [Nguyễn Thị Thu S](#), bà [Hồ Thị Ngọc H1](#), anh [Nguyễn Đức P](#) và chị [Nguyễn Thị Thùy D](#) đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông [Nguyễn Văn M](#) khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bà [Nguyễn Thị Ánh H](#) là vụ án “tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”, các thửa đất tọa lạc tại [xã T, huyện C](#) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Cụ [Nguyễn Văn H2](#), sinh năm 1929 (đã chết năm 1981) và cụ [Nguyễn Thị B](#), sinh năm 1930 (đã chết năm 1993) có tạo lập khối tài sản chung gồm thửa đất số 456, loại đất thổ và thửa đất số 1170, loại đất lúa tọa lạc tại [ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An](#). Hai cụ qua đời đều không để lại di chúc. Do đó, di sản của các cụ để lại sẽ được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ [H2](#) và cụ [B](#). Cha mẹ của cụ [H2](#) và cụ [B](#) đều đã chết, cụ [H2](#) và cụ [B](#) chỉ có tổng cộng 09 người con gồm ông [Nguyễn Đức D1](#), bà [Nguyễn Thị L](#), bà [Nguyễn Thị Ánh H](#), bà [Nguyễn Thị Lê T](#), bà [Nguyễn Thị Thu L1](#), ông [Nguyễn Văn M](#), bà [Nguyễn Thị Thu T1](#), bà [Nguyễn Thị Thu T2](#), bà [Nguyễn Thị Thu S](#). Ông [Nguyễn Đức D1](#) đã chết, hiện có vợ là bà [Hồ Thị Ngọc H1](#) và 02 người con là anh [Nguyễn Đức P](#) và chị [Nguyễn Thị Thùy D](#); bà [Nguyễn Thị Thu T2](#) đã chết, hiện chồng bà [T2](#) cũng đã chết, không có con. Do đó di sản thừa kế của cụ [H2](#) và cụ [B](#) sẽ được chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế hiện tại gồm: bà [Nguyễn Thị L](#), bà [Nguyễn Thị Ánh H](#), bà [Nguyễn Thị Lê T](#), bà [Nguyễn Thị Thu L1](#), ông [Nguyễn Văn M](#), bà [Nguyễn Thị Thu T1](#), bà [Nguyễn Thị Thu S](#), bà [Hồ Thị Ngọc H1](#), anh [Nguyễn Đức P](#) và chị [Nguyễn Thị Thùy D](#).

[3.2] Tại nội dung Công văn số 4724/CNVPĐK-ĐKCG ngày 19/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C](#), đã cung cấp thông tin: “*Xét bản án số 05/2013/HCST ngày 26/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đuơng về việc khiếu kiện quyết định hành chính (Bản án đã có hiệu lực thi hành), có nội dung: "Xử hủy Quyết định cấp đất số 390/QĐ-UBND, số vào số 00080 QSDĐ/0416-LA ngày 15/10/1996 của UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Ánh H ngôi thổ diện tích 2165m², thửa 456 và 3981m² đất lúa, thửa số 1170 cùng TĐĐ 4 tọa lạc [ấp N, xã T](#); - hủy hợp đồng tặng cho QSD đất của bà Nguyễn Thị Ánh H cho bà Nguyễn Thị Mai T3 ngày 10/5/2012, và 2 giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B1 676901 và B1 676902 do UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Mai T5 ngày 23/5/2012 về ngôi thổ diện tích 2165m², thửa 456 và 3981m² đất lúa, thửa số 1170 cùng TĐĐ 4 tọa lạc [ấp N, xã T](#) để giải quyết lại cho đúng pháp luật"*, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C](#) đã cập nhật dữ liệu đất đai, đồng thời ban hành thông báo cho bà Nguyễn Thị Mai T3 được biết về việc hủy Giấy CNQSDĐ theo kết quả của bản án.

[3.3] Tại nội dung Công văn số 7533/CNVPĐK-ĐKCG ngày 03/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C](#), đã cung cấp thông tin: hiện tại Chi nhánh chưa tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ liên quan đến thửa đất 456, 1170, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại [ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An](#).

[3.4] Tại nội dung biên bản thẩm định ngày 09/5/2023 và qua kiểm tra thực tế, các thửa đất 456, 1170 đều được gia đình ông [M](#) quản lý, sử dụng ổn định lâu dài, không phát sinh tranh chấp đối với các chủ sử dụng đất giáp ranh liền kề. Hiện trạng, diện tích cụ thể các thửa đất như sau:

Đối với thửa đất số 456: theo hiện trạng sử dụng trên thực tế gồm một phần thửa đất số 456, diện tích 1.736,7m², loại đất thổ (có vị trí tại Khu A của Mảnh trích đo địa chính số 01/TL-2024) và một phần thửa 457, diện tích 313,4m², loại đất lúa (có vị trí tại Khu B của Mảnh trích đo địa chính số 01/TL-2024 của [Công ty TNHH Đ](#) vẽ ngày 08/3/2024 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C](#) phê duyệt ngày 15/3/2024).

Đối với Thửa đất số 1170: hiện trạng sử dụng trên thực tế có diện tích 3.793,2 m², loại đất lúa (có vị trí tứ cận được thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 02/TL-2024 của [Công ty TNHH Đ](#) vẽ ngày 08/3/2024 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C](#) phê duyệt ngày 15/3/2024).

Tại thời điểm Tòa án giải quyết, tất cả các thửa đất 456, 457, 1170 đều chưa được cấp Giấy CNQSDĐ.

[3.4] Hội đồng xét xử xét thấy:

Các đương sự bà [Nguyễn Thị L](#), bà [Nguyễn Thị Ánh H](#), bà [Nguyễn Thị Lệ T](#), bà [Nguyễn Thị Thu L1](#), bà [Nguyễn Thị Thu T1](#), bà [Nguyễn Thị Thu S](#), bà [Hồ Thị Ngọc H1](#), anh [Nguyễn Đức P](#) và chị [Nguyễn Thị Thùy D](#) đều có ý kiến từ chối nhận di sản thừa kế của cụ [H2](#) và cụ [B](#), tất cả đều có ý kiến giao cho ông [M](#) hưởng toàn bộ di sản thừa kế của cụ [H2](#) và cụ [B](#), không yêu cầu ông [M](#) phải

hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế. Do đó, cần chấp nhận cho ông M được nhận toàn bộ di sản thừa kế của cụ H2 và cụ B, đồng thời tuyên ông M được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu đăng ký, kê khai cấp Giấy CNQSDĐ đối với các thửa đất theo hiện trạng sử dụng thực tế như trên.

[3.5] Đối với các diện tích đất có vị trí khu C, Khu D của Mảnh trích đo địa chính số 02/TL-2024 và các tài sản trên đất do các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[3.6] Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức là có căn cứ chấp nhận.

[3.7] Theo biên bản định giá tài sản ngày 22/4/2024 của Hội đồng định giá, Thửa đất số 1170, diện tích 3.793,2 m² có giá (120.000 đồng x 3.793,2m²) 455.184.000 đồng; một phần thửa đất số 456, diện tích 1.736,7m² có giá (1.660.000 đồng x 1.736,7m²) 2.893.342.200 đồng; một phần thửa 457, diện tích 313,4m² có giá (120.000 đồng x 313,4m²) 37.608.000 đồng.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: tổng cộng là 27.700.000 đồng do ông M đã tạm nộp, ông M tự nguyện chịu toàn bộ nên ghi nhận.

[5] Về án phí: ông M phải chịu toàn bộ án phí nhưng ông M là người cao tuổi và có đơn xin được miễn án phí nên được chấp nhận cho miễn án phí theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[6] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 217, Điều 227 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 122, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 616 Điều 620, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 14, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị nh H.

Xác định phần di sản của cụ Nguyễn Văn H2 và cụ Nguyễn Thị B để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1170, tờ bản đồ số 04, diện tích 3.793,2 m², loại đất lúa; một phần thửa đất số 456, diện tích 1.736,7m², loại đất thổ và một phần

thửa đất số 457, diện tích 313,4m², loại đất lúa, cùng tọa lạc tại [ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An](#).

Chia cho ông [Nguyễn Văn M](#) được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của cụ [H2](#) và cụ [B](#) là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1170, tờ bản đồ số 04, diện tích 3.793,2 m², loại đất lúa (có vị trí tứ cận được thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 02/TL-2024 của [Công ty TNHH Đ](#) vẽ ngày 08/3/2024 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C](#) phê duyệt ngày 15/3/2024); một phần thửa đất số 456, diện tích 1.736,7m², loại đất thổ (có vị trí tại Khu A của Mảnh trích đo địa chính số 01/TL-2024) và một phần thửa 457, diện tích 313,4m², loại đất lúa (có vị trí tại Khu B của Mảnh trích đo địa chính số 01/TL-2024 của [Công ty TNHH Đ](#) vẽ ngày 08/3/2024 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C](#) phê duyệt ngày 15/3/2024), các thửa đất cùng tọa lạc tại [ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An](#).

2. Ông [Nguyễn Văn M](#) được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai, cấp Giấy CNQSDĐ đối với các thửa đất nêu trên.

3. Ghi nhận việc bà [Nguyễn Thị L](#), bà [Nguyễn Thị nh H](#), bà [Nguyễn Thị Lê T](#), bà [Nguyễn Thị Thu L1](#), bà [Nguyễn Thị Thu T1](#), bà [Nguyễn Thị Thu S](#), bà [Hò Thị Ngọc H1](#), anh [Nguyễn Đức P](#) và chị [Nguyễn Thị Thy D](#) từ chối nhận di sản thừa kế của cụ [Nguyễn Văn H2](#) và cụ [Nguyễn Thị B](#).

4. Về chi phí tố tụng: ông [M](#) chịu toàn bộ 27.700.000 đồng chi phí tố tụng số tiền, ông [M](#) đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông [M](#) được miễn toàn bộ án phí theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. [H4](#) lại ông [M](#) tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.375.000 đồng tại biên lai số 0005148 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

6. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS H.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang

